

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU CHÉO CỔ PHẦN TRONG CÁC TẬP ĐOÀN KINH TẾ Ở VIỆT NAM NHẪM KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC VÀ MINH BẠCH THỊ TRƯỜNG

VŨ THỊ HỒNG VÂN*

Tóm tắt: Bài viết phân tích thực trạng sở hữu chéo cổ phần trong các tập đoàn kinh tế tại Việt Nam – một cấu trúc tiềm ẩn rủi ro thao túng quyền lực và thiếu minh bạch. Pháp luật hiện hành còn rời rạc, chưa kiểm soát hiệu quả sở hữu chéo gián tiếp. Tác giả đề xuất hoàn thiện pháp luật theo hướng: Định danh rõ ràng sở hữu chéo, mở rộng phạm vi điều chỉnh, tăng cường công bố thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu liên ngành, nhằm kiểm soát rủi ro và đảm bảo thị trường minh bạch, cạnh tranh.

Từ khóa: Sở hữu chéo; tập đoàn kinh tế; cổ phần; quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện pháp luật

Ngày nhận bài: 02/6/2025; Biên tập xong: 15/8/2025; Duyệt đăng: 22/8/2025

IMPROVING THE LEGAL FRAMEWORK ON CROSS-SHAREHOLDING IN VIETNAMESE CONGLOMERATES TO CONTROL POWER AND ENHANCE MARKET TRANSPARENCY

Abstract: This article analyzes cross-shareholding in Vietnamese economic conglomerates, which poses risks of power manipulation and lack of transparency. Current legal frameworks are fragmented and ineffective against indirect ownership. The author proposes legal reforms including clear legal definitions, broader regulatory scope, enhanced disclosure, and centralized inter-agency databases to improve oversight and ensure a transparent, competitive market environment.

Keywords: Cross-shareholding; economic conglomerates; corporate governance; legal reform

Received: Jun 02, 2025; **Editing completed:** Aug 15, 2025; **Accepted for publication:** Aug 22, 2025

Đặt vấn đề

Sở hữu chéo cổ phần là một hiện tượng kinh tế - pháp lý phức tạp. Dù có vai trò nhất định trong việc liên kết hệ sinh thái kinh doanh nhưng thực tiễn cho thấy sở hữu chéo bộc lộ nhiều hệ lụy nghiêm trọng như thao túng thị trường, che giấu sở hữu thực, thổi phồng giá trị ảo và tiềm ẩn rủi ro hệ thống tài chính¹. Trên thế giới, mô hình này ra đời từ cuối thế kỷ XIX và phát triển mạnh trong thế kỷ XX, giúp các tập đoàn củng cố quyền lực nhưng cũng tạo ra rào cản cạnh tranh và thiếu minh bạch².

Tại Việt Nam, sở hữu chéo trở nên phổ biến sau quá trình cổ phần hóa và sự lớn

mạnh của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt trong các tập đoàn lớn³. Những tác động tiêu cực của nó ngày càng rõ nét, gây méo mó thị trường và thách thức công tác quản lý nhà nước. Pháp luật Việt Nam đã có những quy định điều chỉnh vấn đề này trong Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, các quy định này còn phân tán, thiếu tính hệ thống và chưa theo kịp sự phức tạp của các cấu trúc sở hữu hiện đại, vốn ngày càng tinh vi qua nhiều lớp trung gian. Trước thực trạng đó, việc nghiên cứu và hoàn thiện khung pháp lý về sở hữu chéo là yêu cầu cấp thiết.

¹ Bolton, P., & Becht, M. (2003), *Corporate governance and control*. In G. Constantinides, M. Harris, & R. Stulz (Eds.), *Handbook of the economics of finance* (p. 1–109), Elsevier.

² Chang, H. J. (2002), *Kicking away the ladder: Development strategy in historical perspective*, Anthem Press.

* Email: Mayhong.vkstc@gmail.com

Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu Một

³ Nguyen, H. T., “Sở hữu chéo tại các tập đoàn kinh tế Việt Nam: Lợi ích, rủi ro và khuyến nghị chính sách”, *Tạp chí Tài chính*, số 8/2021, tr. 23–29.

1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về sở hữu chéo cổ phần và thực tiễn thi hành

1.1. Thực trạng pháp luật

Pháp luật Việt Nam đã có những quy định bước đầu nhằm kiểm soát sở hữu chéo cổ phần, tuy nhiên, các quy định này còn tồn tại trong một khung pháp lý thiếu đồng bộ và chưa theo kịp thực tiễn phức tạp của các cấu trúc sở hữu doanh nghiệp hiện đại. Thực trạng này thể hiện chủ yếu và rõ nhất qua các quy định trong lĩnh vực doanh nghiệp, tài chính - ngân hàng và chứng khoán.

1.1.1. Hạn chế của pháp luật doanh nghiệp

Luật Doanh nghiệp năm 2020, sửa đổi, bổ sung năm 2025 chỉ tiếp cận vấn đề ở mức độ cơ bản thông qua Điều 195. Quy định này thiết lập nguyên tắc cấm công ty con sở hữu vốn của công ty mẹ và cấm các công ty con của cùng một công ty mẹ sở hữu chéo lẫn nhau. Đây là nỗ lực pháp lý quan trọng nhằm ngăn chặn tình trạng “đảo ngược” quan hệ kiểm soát và sở hữu vòng vo trong nội bộ tập đoàn. Tuy nhiên, các quy định này bộc lộ những hạn chế lớn, đầu tiên là phạm vi điều chỉnh hẹp, Luật chỉ điều chỉnh các mối quan hệ sở hữu trực tiếp, trong khi “bỏ ngỏ” hoàn toàn các mô hình sở hữu gián tiếp, đa tầng thông qua các pháp nhân trung gian. Đây chính là phương thức phổ biến mà các tập đoàn kinh tế tư nhân sử dụng để che giấu cấu trúc sở hữu thực và lách luật⁴. Bên cạnh đó, việc thiếu định nghĩa pháp lý thống nhất cũng là một rào cản. Mặc dù thuật ngữ “sở hữu chéo” đã được đề cập trong Luật Doanh nghiệp năm 2014 và được định nghĩa tại Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp⁵, nhưng Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn sau này lại không còn duy trì một định nghĩa chính thức. Sự thiếu vắng này gây ra tình trạng mơ hồ về mặt pháp lý, tạo khó khăn cho việc nhận diện và xử lý vi phạm. Đặc

biệt, Luật còn thiếu cơ chế minh bạch hóa, theo đó, chưa có quy định bắt buộc về việc công bố thông tin các liên kết sở hữu phức tạp trong nội bộ tập đoàn, khiến việc giám sát của cơ quan nhà nước và các nhà đầu tư trở nên gần như bất khả thi.

1.1.2. Hạn chế trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng và chứng khoán

Pháp luật chuyên ngành tài chính - ngân hàng và chứng khoán đã có những bước tiến xa hơn trong việc kiểm soát sở hữu chéo, xuất phát từ tính chất nhạy cảm và tầm ảnh hưởng của các lĩnh vực này.

Trong lĩnh vực ngân hàng (Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024): Pháp luật đã thiết lập các giới hạn chặt chẽ về tỷ lệ sở hữu cổ phần (Điều 63) đối với cá nhân (5%), tổ chức (10%), và nhóm cổ đông liên quan (15%). Đồng thời, luật cũng cấm rõ hành vi sở hữu chéo trực tiếp giữa các tổ chức tín dụng. Hơn nữa, nghĩa vụ công bố thông tin được áp dụng cho các cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên (Điều 49), nhằm tăng cường tính minh bạch. Việc giới hạn tỷ lệ sở hữu được xem là một trong những công cụ pháp lý hiệu quả để ngăn chặn tình trạng thao túng nội bộ và rủi ro hệ thống.

Trong lĩnh vực chứng khoán (Luật Chứng khoán năm 2019): Mặc dù không trực tiếp định nghĩa nhưng luật đã ngăn chặn các biểu hiện của sở hữu chéo bằng cách cấm một tổ chức đồng thời là cổ đông lớn (sở hữu từ 5%) tại hai công ty chứng khoán hoặc hai công ty quản lý quỹ (Điều 91). Bên cạnh đó, nghĩa vụ công bố thông tin đối với cổ đông lớn và người có liên quan (Điều 127) cũng là công cụ quan trọng để giám sát sự hình thành các mạng lưới sở hữu.

Tuy nhiên, dù có nhiều tiến bộ, pháp luật chuyên ngành vẫn tồn tại những bất cập chung, mang tính hệ thống. Trước hết là những thách thức trong kiểm soát sở hữu gián tiếp: Các quy định vẫn chủ yếu hiệu quả với sở hữu trực tiếp. Việc xác định và kiểm soát dòng vốn qua các công ty con, quỹ đầu tư hay các pháp nhân trung gian ở nước ngoài vẫn là một thách thức lớn. Các cấu trúc sở

⁴ Nguyễn Văn Quang, “Sở hữu gián tiếp và thách thức pháp lý tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, năm 2023.

⁵ Khoản 17 Điều 4 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP định nghĩa: “Sở hữu chéo là việc đồng thời hai doanh nghiệp có sở hữu phần vốn góp, cổ phần của nhau”.

hữu tinh vi vẫn có thể dễ dàng “lách” qua các giới hạn pháp lý; ngoài ra, *thiếu hạ tầng dữ liệu liên thông*, một trong những trở ngại lớn nhất là sự thiếu kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý như Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cơ quan đăng ký kinh doanh. Tình trạng “cát cứ dữ liệu” này khiến việc giám sát liên ngành không thể thực hiện được, tạo ra “vùng mù” cho các hành vi sở hữu chéo tinh vi; *khái niệm pháp lý chưa rõ ràng và chế tài yếu*, các khái niệm then chốt như “người có liên quan” dù đã được định nghĩa nhưng chưa có hướng dẫn chi tiết để xác định trong các trường hợp phức tạp. Thêm vào đó, chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin còn chưa đủ sức răn đe.

Nhìn chung, pháp luật Việt Nam đã nhận diện được sự nguy hiểm của sở hữu chéo và bước đầu xây dựng các rào cản pháp lý. Tuy nhiên, các quy định hiện hành còn rời rạc, thiếu tính hệ thống và chưa tạo thành một khung khổ pháp lý toàn diện. Lỗ hổng lớn nhất nằm ở việc pháp luật chưa theo kịp các phương thức sở hữu gián tiếp, đa tầng ngày càng tinh vi của các tập đoàn kinh tế. Sự thiếu vắng một định nghĩa pháp lý thống nhất, cùng với cơ chế giám sát liên ngành yếu kém đã làm giảm hiệu quả thực thi, tiềm ẩn nguy cơ thao túng thị trường, gia tăng rủi ro hệ thống và tạo điều kiện cho các nhóm lợi ích né tránh nghĩa vụ minh bạch. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật theo hướng tổng thể, đồng bộ là yêu cầu cấp thiết để lành mạnh hóa môi trường kinh doanh.

1.2. Thực tiễn thi hành

Thực tiễn áp dụng cho thấy sở hữu chéo có thể mang lại cả lợi ích điều phối chiến lược lẫn những rủi ro hệ thống nghiêm trọng, tùy thuộc vào mức độ minh bạch và hiệu quả của cơ chế giám sát.

1.2.1. Sở hữu chéo cổ phần đề cao vai trò điều phối trong các tập đoàn Nhà nước

Trong khuôn khổ được kiểm soát, sở hữu liên kết tại các tập đoàn nhà nước lớn như

Viettel⁶ hay Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)⁷ đã phát huy vai trò tích cực. Cơ chế này tạo ra một “hệ sinh thái tài chính khép kín”, cho phép luân chuyển vốn nội bộ linh hoạt, tối ưu hóa nguồn lực và đồng bộ hóa chiến lược kinh doanh trên toàn chuỗi giá trị. Nhờ đó, các tập đoàn có thể tự chủ hơn về tài chính, chia sẻ rủi ro và nâng cao năng lực cạnh tranh khi đầu tư vào các dự án lớn hoặc mở rộng ra thị trường quốc tế mà không hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài⁸.

1.2.2. Hạn chế và cảnh báo

Tuy nhiên, mặt trái của sở hữu chéo đã được phơi bày qua đại án liên quan đến Tập đoàn Vạn Thịnh Phát và Ngân hàng SCB. Đây là minh chứng điển hình cho thấy sở hữu chéo, khi bị lạm dụng, sẽ trở thành công cụ thao túng thị trường và gây ra rủi ro hệ thống khổng lồ. Bà Trương Mỹ Lan bị cáo buộc đã sử dụng một “ma trận” hơn 1.000 công ty “sân sau” để thâm tóm, chi phối gần như tuyệt đối SCB, gây ra khủng hoảng thanh khoản nghiêm trọng⁹. Mạng lưới này sau đó được dùng để rút ruột ngân hàng thông qua các khoản vay khống, tạo ra một vòng tròn sở hữu - tín dụng độc hại. Hậu quả là SCB rơi vào khủng hoảng thanh khoản, gây chấn động hệ thống tài chính và buộc Nhà nước phải can thiệp. Vụ án này đã cho thấy những lỗ hổng của pháp luật, đó là sự bất lực trong việc nhận diện sở hữu gián tiếp và thiếu cơ chế xác định “người hưởng lợi cuối cùng” (ultimate beneficial owner). Nó cho thấy sở hữu chéo không chỉ là thách thức kỹ thuật lập pháp mà còn là phép thử cho năng lực giám sát tài chính của Nhà nước.

Như vậy, từ thực trạng pháp lý đến những bài học thực tiễn, có thể thấy pháp luật Việt Nam đã nhận diện được nguy cơ từ sở hữu chéo nhưng các giải pháp còn rời rạc

⁶ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023), *Báo cáo giám sát sở hữu cổ phần và phòng ngừa rủi ro liên quan*.

⁷ MISA AMIS (n.d.), *Cơ cấu tổ chức Tập đoàn Viettel*.

⁸ PVN (n.d.), *Các đơn vị thành viên, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam*.

⁹ Bộ Công an (2023), *Thông tin điều tra vụ án Trương Mỹ Lan và Tập đoàn Vạn Thịnh Phát*.

và chưa theo kịp thực tiễn. Lỗ hổng lớn nhất nằm ở việc chưa thể kiểm soát hiệu quả các mô hình sở hữu gián tiếp, đa tầng và thiếu một cơ chế giám sát liên ngành đủ mạnh. Vụ án Vạn Thịnh Phát – SCB là lời cảnh tỉnh đanh thép về hậu quả khi các lỗ hổng này bị lợi dụng. Do đó, yêu cầu hoàn thiện pháp luật không chỉ mang tính kỹ thuật, mà còn là một nhiệm vụ chiến lược, cấp thiết để củng cố thể chế kinh tế thị trường, bảo vệ an toàn hệ thống tài chính và đảm bảo môi trường kinh doanh lành mạnh tại Việt Nam.

2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm hướng tới một thị trường minh bạch

Từ thực trạng trên, việc hoàn thiện pháp luật không thể chỉ dừng lại ở những điều chỉnh kỹ thuật đơn lẻ, mà đòi hỏi một cuộc cải cách toàn diện, quyết liệt và có hệ thống. Mục tiêu cuối cùng là xây dựng một hệ thống quy định vững chắc để bảo vệ sự minh bạch của thị trường, ngăn chặn quyền lực bị thao túng và bảo đảm sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế. Cuộc cải cách này cần được triển khai đồng bộ dựa trên ba phương diện mang tính chiến lược: Kiến tạo một nền tảng pháp lý thống nhất và vững chắc, thực thi cơ chế minh bạch hóa triệt để, và nâng cao năng lực giám sát cùng hệ thống chế tài đủ sức răn đe.

Trước hết, nền tảng của mọi nỗ lực cải cách phải bắt đầu từ việc định nghĩa lại một cách rõ ràng, khoa học và toàn diện khái niệm “sở hữu chéo” ngay trong văn bản luật có hiệu lực cao nhất là Luật Doanh nghiệp. Đây là bước đi tiên quyết, bởi một khái niệm mơ hồ sẽ không thể tạo ra một cơ chế quản lý hiệu quả. Định nghĩa mới không thể chỉ giới hạn ở các mối quan hệ sở hữu trực tiếp, mà phải được mở rộng để bao trùm toàn bộ các hình thái phức tạp đang diễn ra trong thực tiễn, từ sở hữu gián tiếp qua nhiều tầng nấc công ty con, công ty liên kết, cho đến các cấu trúc sở hữu vòng tròn tinh vi. Quan trọng hơn, pháp luật phải chính thức đưa ra khái niệm và cơ chế xác định “chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng” (Ultimate Beneficial Owner - UBO). Đây chính là chiếc chìa khóa then chốt để phá

các vỏ bọc của các pháp nhân, bóc tách các mạng lưới sở hữu chằng chịt và tìm ra ai là người thực sự đứng sau giật dây, kiểm soát dòng vốn và hoạt động của doanh nghiệp. Khi được luật hóa, định nghĩa nền tảng này sẽ trở thành căn cứ pháp lý thống nhất, có giá trị áp dụng xuyên suốt cho tất cả các lĩnh vực kinh tế, từ ngân hàng, chứng khoán đến bất động sản, tạo ra sự đồng bộ trong nhận thức và thực thi pháp luật.

Ngoài ra, một bước đi mang tính đột phá chính là xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu doanh nghiệp. Đây không chỉ là một công cụ kỹ thuật, mà còn là xương sống của toàn bộ hệ thống giám sát, là sự cam kết minh bạch hóa. Hệ thống này cần được thiết kế với kiến trúc hiện đại, có khả năng liên thông và đồng bộ hóa dữ liệu theo thời gian thực giữa các cơ quan quản lý nhà nước cốt lõi, bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổng cục Thuế. Các doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty đại chúng và tổ chức tín dụng, phải có nghĩa vụ pháp lý trong việc kê khai và cập nhật thường xuyên, chính xác toàn bộ chuỗi sở hữu của mình, bao gồm danh tính của các pháp nhân trung gian và thông tin chi tiết về chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng. Dữ liệu này, sau khi được xác thực, cần được công khai hóa ở mức độ hợp lý để các nhà đầu tư, cổ đông thiểu số, các tổ chức nghiên cứu và công chúng có thể tra cứu và giám sát. Một hệ thống như vậy, tương tự mô hình UBO Registry của Liên minh Châu Âu¹⁰ hay hệ thống EDGAR của Mỹ, sẽ hoạt động một cách minh bạch tác động vào những góc khuất nhất của cơ cấu sở hữu, khiến cho các hành vi che giấu, thao túng trở nên khó khăn và rủi ro hơn.

Tuy nhiên, một nền tảng pháp lý rõ ràng và một hệ thống dữ liệu minh bạch sẽ chỉ phát huy hết tác dụng khi được bảo vệ bởi một cơ chế giám sát chủ động và một hệ thống chế tài đủ mạnh mẽ để tạo ra sự tuân

¹⁰ Liên minh Châu Âu (EU) đã thông qua các chỉ thị chống rửa tiền (ví dụ: AMLD5) yêu cầu các quốc gia thành viên thiết lập sổ đăng ký công khai về chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng (UBO Registry) của các pháp nhân.

thủ thực chất. Do đó, giải pháp thứ ba và cũng là yếu tố quyết định sự thành công của cuộc cải cách, là nâng cao năng lực thực thi pháp luật. Về mặt giám sát, cần thiết phải thành lập một *Tổ công tác liên ngành* chuyên trách về chống sở hữu chéo và thao túng thị trường. Với sự tham gia của các chuyên gia từ các cơ quan liên quan, tổ công tác này phải được trao đủ thẩm quyền và công cụ cần thiết để chủ động phân tích dữ liệu, truy vết các dòng vốn đáng ngờ và điều tra các cấu trúc sở hữu phức tạp. Song hành với đó, hệ thống chế tài phải được nâng lên một mức mới, vượt qua tư duy phạt hành chính để cho tồn tại. Các biện pháp cần được thiết kế theo nhiều loại và áp dụng một cách đồng bộ, quyết liệt. Trước hết, *chế tài hành chính* phải thực sự nặng, với mức phạt tiền đủ lớn để triệt tiêu lợi ích kinh tế từ hành vi vi phạm, đồng thời áp dụng các biện pháp cứng rắn như đình chỉ ngay lập tức quyền biểu quyết của cổ đông vi phạm và buộc thoái vốn đối với phần sở hữu vượt ngưỡng trong một thời hạn rõ ràng. Tiếp theo, chế tài về quản lý cần được áp dụng nghiêm khắc, cấm vĩnh viễn hoặc có thời hạn các cá nhân vi phạm đảm nhiệm các vị trí quản lý, điều hành trong các doanh nghiệp, đặc biệt là tại các định chế tài chính, nhằm làm trong sạch bộ máy quản trị. Cuối cùng, đối với những hành vi nghiêm trọng nhất, cần nghiên cứu và tiến tới hình sự hóa các hành vi cố tình thiết lập cấu trúc sở hữu chéo tinh vi nhằm lũng đoạn thị trường, rút ruột doanh nghiệp hoặc gây ra rủi ro hệ thống. Kinh nghiệm từ các quốc gia OECD cho thấy, chỉ khi đối mặt với ranh đỏ của pháp luật hình sự, các hành vi gian lận có tổ chức mới thực sự bị đẩy lùi¹¹.

Tựu trung lại, hoàn thiện pháp luật về sở hữu chéo không đơn thuần là một bài toán kỹ thuật lập pháp mà là một nhiệm vụ chiến lược, một đòi hỏi cấp thiết để củng cố nền tảng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng. Việc triển

khai đồng bộ cả ba giải pháp nêu trên sẽ tạo ra một hiệu ứng cộng hưởng, góp phần xây dựng một môi trường đầu tư công bằng và hấp dẫn, một hệ thống doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh dựa trên năng lực thực chất, và một nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Chỉ khi đó, chúng ta mới có thể củng cố vững chắc niềm tin của nhà đầu tư, của người dân và của cộng đồng quốc tế vào sự minh bạch và ổn định của kinh tế Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bolton, P., & Becht, M. (2003). *Corporate governance and control*, G. Constantinides, M. Harris, & R. Stulz (Eds.), *Handbook of the economics of finance.*, Elsevier;
2. Chang, H. J. (2002), *Kicking away the ladder: Development strategy in historical perspective*, Anthem Press;
3. Nguyen, H. T., “Sở hữu chéo tại các tập đoàn kinh tế Việt Nam: Lợi ích, rủi ro và khuyến nghị chính sách”, *Tạp chí Tài chính*, số 8/2021;
4. Nguyễn Văn Quang, “Sở hữu gián tiếp và thách thức pháp lý tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Pháp lý*, 2023;
5. Trần Văn Dũng, “Kiểm soát sở hữu chéo trong lĩnh vực ngân hàng – Góc nhìn pháp lý”, *Tạp chí Ngân hàng*, 2022;
6. Nguyễn Hữu Huế, “Sở hữu cổ phần trong ngân hàng thương mại và vấn đề kiểm soát quyền chi phối”, *Tạp chí Luật học*, 2022;
7. Lê Minh Tâm, *Pháp luật về sở hữu tại tổ chức tín dụng – Thực trạng và kiến nghị*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2023;
8. Nguyễn Hương, “Vẫn còn nhiều góc khuất khó ngăn tình trạng sở hữu chéo và thao túng ngân hàng”, *Thời báo Tài chính Việt Nam*, 2024;
9. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023), *Báo cáo giám sát sở hữu cổ phần và phòng ngừa rủi ro liên quan*;
10. MISA AMIS (n.d.), *Cơ cấu tổ chức Tập đoàn Viettel*, <https://amis.misa.vn/66094/co-cau-to-chuc-tap-don-viettel>, truy cập ngày 30/5/2025;
11. PVN (n.d.), *Các đơn vị thành viên, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam*, <https://www.pvn.vn/Pages/cacdonvithanhvien.aspx>, truy cập ngày 30/5/2025;
12. Bộ Công an (2023), *Thông tin điều tra vụ án Trương Mỹ Lan và Tập đoàn Vạn Thịnh Phát*, <https://bocongan.gov.vn>;
13. Bolton, P., & Becht, M. (2003), *Về các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt và cơ chế chế tài tại các quốc gia phát triển*.

¹¹ Bolton, P., & Becht, M. (2003), *Về các thông lệ quản trị doanh nghiệp tốt và cơ chế chế tài tại các quốc gia phát triển*.